

**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của**

**Công ty Cổ phần Thành An 77**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)	11 - 27

199  
SƠN  
H H  
K H  
UNC  
UL

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thành An 77, tên tiếng Anh là: THANH AN 77 JOINT STOCK COMPANY tiền thân là Xí nghiệp Xi măng 77 thuộc Tổng Công ty Thành An được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 153/2004/QĐ - BQP ngày 23/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700100257 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 05/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/05/2015, theo đó:

- Vốn Điều lệ : 13.409.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ bốn trăm linh chín triệu), được chia thành 1.340.900 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần.
- Trụ sở chính : Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

### **Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- ✓ Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- ✓ Cung ứng lao động tạm thời;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- ✓ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- ✓ Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- ✓ Xây dựng nhà các loại;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- ✓ Xây dựng công trình công ích;
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng);
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa;
- ✓ Cho thuê xe có động cơ;
- ✓ Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- ✓ Cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)./.

10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Mạnh Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cao Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Quốc Uy	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Minh Thao	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Văn Thắng	Trưởng ban
Bà Đặng Quỳnh Chi	Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Cao Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Quốc Uy	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Thao	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Vững	Kế toán trưởng

**Đại diện pháp luật**

Ông Ngô Mạnh Hùng chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty thay Ông Cao Anh Tuấn miễn nhiệm ngày 02/03/2015.

**Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ**

Chi tiết tình hình tài chính ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính**

Như đã được trình bày tại thuyết minh số VII.01 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng kiểm toán Eura Audit International đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Giám đốc,**



**Ngô Mạnh Hùng**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2016*





HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAudit International

Số: 10/2016/HVAC-BCKIT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thành An 77**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Thành An 77**, được lập ngày 05/03/2016, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định vào ngày 31/12/2015. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này;

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG**

5

Tên số chính: P808, Tòa nhà CT5 - ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 \* Fax: (84-4) 3787 1422 \* Hotline: 0914 375 380

E-mail: tuanqlhvac2012@gmail.com \* Website: www.hvac.com.vn

11/2/2016  
ÔN  
NHIỆ  
KIỂM  
TOÁN

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả, các khoản vay chưa được đối chiếu xác nhận. Mặt khác, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015;

Số dư lũy kế của các khoản chi phí chưa được phân bổ tại ngày 31/12/2015 như sau: khấu hao TSCĐ: 34.228.317.094 đồng, lãi vay: 41.092.793.173 đồng; phạt chậm nộp BHXH: 903.846.035 đồng, phạt chậm nộp thuế: 407.043.242 đồng; các khoản khác: 209.353.550 đồng. Các khoản chi phí này chưa được phân bổ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty, vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty;

Như đã nêu tại mục VII.03 của thuyết minh báo cáo tài chính về giả định tính liên tục hoạt động của Công ty, trong phạm vi cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi chỉ thu thập các bằng chứng kiểm toán tạo cơ sở cho những ý kiến của Kiểm toán viên về tính trung thực và hợp lý của các thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính với giả định tính liên tục hoạt động không bị vi phạm. Số lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2015 là 24.547.264.737 đ, vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2015 là -11.633.461.530 đ, tuy nhiên, tính liên tục hoạt động phụ thuộc vào khả năng duy trì, thanh toán các khoản nợ, sự trợ giúp tài chính từ phía chủ đầu tư và khả năng tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong tương lai gần.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, với những ảnh hưởng trọng yếu của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thành An 77 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CHỖ ĐÓNG NHẬN Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ  
Ngày: 11-01-2017  
Số CC: 0-0-0-7-7... Quyền số: 0-1 SCC/BS



**Nguyễn Quốc Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1087-2013-098-1  
Thay mặt và đại diện  
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2016



*At*

**Nguyễn Thị Ái Vân**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1227-2013-098-1

CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Trần Thị Hằng*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>88.731.887.209</b>	<b>87.234.076.943</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.549.383.678</b>	<b>323.710.107</b>
1. Tiền	111	V.01	4.549.383.678	323.710.107
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>78.030.100.825</b>	<b>81.132.154.058</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	16.491.266.775	16.620.160.403
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	470.173.575	450.415.824
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	-	5.340.519.050
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	61.068.660.475	58.721.058.781
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.120.404.746</b>	<b>5.746.214.818</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	6.120.404.746	5.746.214.818
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.997.960</b>	<b>31.997.960</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	31.997.960	31.997.960
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.966.863.576</b>	<b>137.858.170.945</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.861.190.521</b>	<b>1.861.190.521</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	1.799.240.521	1.799.240.521
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	61.950.000	61.950.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.615.732.743</b>	<b>78.425.999.131</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	64.595.790.697	78.402.057.089
- Nguyên giá	222		155.041.398.929	158.886.752.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90.445.608.232)	(80.484.695.885)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	19.942.046	23.942.042
- Nguyên giá	228		367.987.883	367.987.883
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(348.045.837)	(344.045.841)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.680.585.178</b>	<b>1.533.526.001</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.680.585.178	1.533.526.001
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>76.809.355.134</b>	<b>56.037.455.292</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	76.809.355.134	56.037.455.292
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>233.698.750.785</b>	<b>225.092.247.888</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>245.332.212.315</b>	<b>234.092.331.567</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>176.573.764.899</b>	<b>165.333.884.151</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.418.025.799	16.776.570.345
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	614.441.840	469.066.740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.152.326.636	3.302.763.874
4. Phải trả người lao động	314		46.925.210	958.862.468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.853.837.082	2.384.016.129
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.15	58.416.377.443	52.686.156.650
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	52.034.269.256	50.361.604.640
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	41.037.561.633	38.394.843.305
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68.758.447.416</b>	<b>68.758.447.416</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	68.758.447.416	68.758.447.416
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(11.633.461.530)</b>	<b>(9.000.083.679)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(10.580.877.655)</b>	<b>(8.995.083.679)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.408.773.482	13.408.773.482
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.547.264.737)	(22.961.470.761)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(1.052.583.875)</b>	<b>(5.000.000)</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	(1.052.583.875)	(5.000.000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>233.698.750.785</b>	<b>225.092.247.888</b>

Người lập biểu

*Hào*  
*Đình Thị Hào*

Kế toán trưởng

*Vũ Văn Dũng*

Ngày 05 tháng 03 năm 2016



NGƯỜI MẢN TRUNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	44.110.964.954	24.998.482.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>44.110.964.954</b>	<b>24.998.482.934</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	43.013.259.752	23.961.296.828
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.097.705.202</b>	<b>1.037.186.106</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.802.875	810.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	243.562.868	107.278.548
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		222.547.588	98.549.455
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	40.374.560	319.118.795
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.720.614.352	2.801.655.852
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(1.902.043.703)</b>	<b>(2.190.056.882)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	316.249.727	233.123.600
12. Chi phí khác	32		-	15.400.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>316.249.727</b>	<b>217.723.600</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.585.793.976)</b>	<b>(1.972.333.282)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.585.793.976)</b>	<b>(1.972.333.282)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập biểu

*Hao*  
 Đinh Thị Hao

Kế toán trưởng

*Vũ Văn Vàng*  
 Vũ Văn Vàng

Ngày 05 tháng 03 năm 2016



3204  
 NG  
 HIỆM  
 M TC  
 G VU  
 HIỆM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2015  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.184.699.211	20.696.086.732
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(29.977.356.685)	(13.971.089.794)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.622.293.287)	(3.906.047.537)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(8.430.717)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.021.311.256	2.838.358.418
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.211.489.799)	(3.679.881.979)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.394.870.696</b>	<b>1.968.995.123</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.802.875	810.207
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.802.875</b>	<b>810.207</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.850.000.000	4.047.469.683
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.000.000)	(6.063.371.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.826.000.000</b>	<b>(2.015.901.317)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>4.225.673.571</b>	<b>(46.095.987)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		323.710.107	369.806.094
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01	4.549.383.678	323.710.107

Người lập biểu

*Hào*  
 Đinh Thị Hào

Kế toán trưởng

*Vũ Văn Vững*  
 Vũ Văn Vững

Ngày 05 tháng 03 năm 2016



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thành An 77, tên tiếng Anh là: THANH AN 77 JOINT STOCK COMPANY tiền thân là Xí nghiệp Xi măng 77 thuộc Tổng Công ty Thành An được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 153/2004/QĐ - BQP ngày 23/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700100257 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 05/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/05/2015, theo đó:

- Vốn điều lệ của Công ty: 13.409.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ bốn trăm linh chín triệu), được chia thành 1.340.900 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần.

- Trụ sở chính: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất xi măng.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất xi-măng, vôi và thạch cao; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cung ứng lao động tạm thời; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý, môi giới, đầu giá; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; Cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm không có sự kiện nào trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên báo cáo tài chính.

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**02. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**03. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

11/11  
CỘNG  
HÒA  
KIÊN  
ỨC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

**04. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí CCDC; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí lãi vay; Phạt chậm nộp bảo hiểm; Phạt chậm nộp thuế và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh từng năm.

**06. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TY  
HỮU  
OẢN  
ỨNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Các tài sản khác	04 - 25 năm

**07. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty nghiệp bao gồm:

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

***Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000***

Nguyên giá của HTQL chất lượng ISO 9001-2000 bao gồm chi phí đầu tư và các chi phí trước khi đưa hệ thống vào sử dụng. HTQL chất lượng ISO 9001-2000 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**09. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**13. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế TNDN hiện hành.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	476.856.000	163.643.581
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.072.527.678	160.066.526
<b>Cộng</b>	<b>4.549.383.678</b>	<b>323.710.107</b>

**02. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.729.943.775</b>	<b>14.588.604.703</b>
Đào Xuân Hiếu - TT 62	1.127.481.520	1.167.481.520
Đoàn Nam Phương - TT 62	1.156.120.956	1.156.120.956
Nguyễn Đình Thuận - TT 63	927.873.000	951.873.000
CH VLXD Xuân Lương (Cương q/ly) - TT 62	1.358.429.000	1.358.429.000
Công ty Cổ phần Kiến Trúc Mỹ Thuật Treeifc	307.415.888	3.064.694.660
Công ty CP Xây Dựng và Vật Liệu Xây Dựng THK	2.703.143.300	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.149.480.111	6.890.005.567
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>1.799.240.521</b>	<b>1.799.240.521</b>
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
CN Cty TNHHTM và XD Bắc T.Long tại H/Nam	218.255.000	218.255.000
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Khách hàng khác	444.275.065	444.275.065
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.761.323.000</b>	<b>2.031.555.700</b>
XN XD 51- Công ty CP đtr và XLThành An 665	1.965.800.000	1.965.800.000
Ban dự án 11E-Tổng Cty Thành An	242.344.800	-
Ban dự án 11S-Tổng Cty Thành An	450.830.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	102.348.200	65.755.700
<b>Cộng</b>	<b>18.290.507.296</b>	<b>18.419.400.924</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****03. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>470.173.575</b>	<b>450.415.824</b>
Công ty CP Chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	250.000.000	250.000.000
Nguyễn Văn ánh - Đội HĐ KTD thành phẩm	87.025.892	87.025.892
Công ty TNHH và DV Tân Đạt	56.657.379	-
Các khoản trả trước người bán khác	76.490.304	113.389.932
<b>b. Trả trước người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>470.173.575</b>	<b>450.415.824</b>

**04. Phải thu nội bộ ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	-	<b>5.340.519.050</b>
BQL Dự án mở rộng cung đoạn nghiên xi măng	-	5.340.519.050
<b>b. Phải thu nội bộ dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>5.340.519.050</b>

**05. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>61.068.660.475</b>	<b>58.721.058.781</b>
Chi phí lãi vay	9.671.240.785	9.671.240.785
Chi phí sửa chữa lò	3.463.122.415	3.463.122.415
Chi phí SX năm 2010+2011 còn lại chưa phân bổ	2.908.273.001	2.908.273.001
Chi phí lãi vay NH + các đối tượng (2012)	9.100.655.303	9.272.864.446
Chi phí lãi vay Tổng Công ty năm 2012	5.516.517.293	5.516.517.293
Tiền chi phí tiền điện sản xuất	2.097.083.870	2.097.083.870
Chi phí DCXM lò quay của DA không được duyệt	3.312.249.264	3.312.249.264
Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc	1.760.201.531	-
Tạm ứng	1.277.687.552	1.699.323.490
Phải thu khác	21.961.629.461	20.780.384.217
<b>b. Dài hạn</b>	<b>61.950.000</b>	<b>61.950.000</b>
Ký cược, ký quỹ	61.950.000	61.950.000
<b>Cộng</b>	<b>61.130.610.475</b>	<b>58.783.008.781</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính**

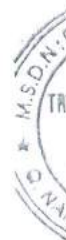
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****06. Hàng tồn kho**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.786.139.275	5.552.547.218
Công cụ, dụng cụ	1.386.112	1.511.112
Thành phẩm	332.879.359	192.156.488
<b>Cộng</b>	<b>6.120.404.746</b>	<b>5.746.214.818</b>

**07. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.997.960</b>	<b>31.997.960</b>
Các khoản khác	31.997.960	31.997.960
<b>b. Dài hạn</b>	<b>76.809.355.134</b>	<b>56.037.455.292</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.228.317.094	26.217.462.342
Chi phí lãi vay	41.092.793.173	29.063.302.771
Phạt chậm nộp bảo hiểm	903.846.035	716.292.489
Phạt chậm nộp thuế	407.043.242	40.397.690
Các khoản khác	177.355.590	-
<b>Cộng</b>	<b>76.841.353.094</b>	<b>56.069.453.252</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**08. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>									
Tại ngày 01/01/2015	51.985.201.545	104.120.740.091			2.021.179.575	759.631.763		158.886.752.974	
Tăng trong năm	8.144.058	-			-	-		8.144.058	
- Tăng khác	8.144.058	-			-	-		8.144.058	
Giảm trong năm	1.301.132.080	2.552.366.023			-	-		3.853.498.103	
- Giảm khác	1.301.132.080	2.552.366.023			-	-		3.853.498.103	
Tại ngày 31/12/2015	50.692.213.523	101.568.374.068			2.021.179.575	759.631.763		155.041.398.929	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>									
Tại ngày 01/01/2015	27.475.637.766	50.280.538.415			2.021.179.575	707.340.129		80.484.695.885	
Tăng trong năm	2.654.638.577	7.294.372.074			-	11.901.696		9.960.912.347	
- Số khấu hao trong năm	2.654.638.577	7.294.372.074			-	11.901.696		9.960.912.347	
Giảm trong năm	-	-			-	-		-	
Tại ngày 31/12/2015	30.130.276.343	57.574.910.489			2.021.179.575	719.241.825		90.445.608.232	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại ngày 01/01/2015	24.509.563.779	53.840.201.676			-	52.291.634		78.402.057.089	
Tại ngày 31/12/2015	20.561.937.180	43.993.463.579			-	40.389.938		64.595.790.697	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****09. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	367.987.883	367.987.883
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	367.987.883	367.987.883
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	344.045.841	344.045.841
Tăng trong năm	3.999.996	3.999.996
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	348.045.837	348.045.837
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	23.942.042	23.942.042
Tại ngày 31/12/2015	19.942.046	19.942.046

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng nhà kho xi măng mới	147.059.177	-
Chi phí đầu tư cho mỏ đồi trắm	1.533.526.001	1.533.526.001
<b>Cộng</b>	<b>1.680.585.178</b>	<b>1.533.526.001</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>18.418.025.799</b>	<b>16.776.570.345</b>
Tổng Công ty Máy và thiết bị công nghiệp MIE	543.073.893	543.073.893
Trạm sản xuất VLXD VIMECO Hà Nam	613.375.470	613.375.470
Công ty CP Than sông Hồng	1.754.472.560	1.754.472.560
Công ty Khoáng sản & Thương mại Hà Tĩnh	1.501.720.700	1.501.720.700
Công ty Cơ khí lắp máy LILAMA Ninh bình	1.668.805.689	1.668.805.689
Công ty TNHH Trường Hải	5.359.084.300	-
Phải trả cho các đối tượng khác	6.977.493.187	10.695.122.033
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.418.025.799</b>	<b>16.776.570.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng  
Tỉnh Hà Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>614.441.840</b>	<b>469.066.740</b>
Công ty TNHH ITV và TM 36 - BQP	190.153.740	190.153.740
Khoản tiền bán xăng của trạm xăng đầu	178.913.000	178.913.000
Công ty Thành An 195 - Tổng công ty Thành An	160.457.700	-
Các khách hàng khác	84.917.400	100.000.000
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>614.441.840</b>	<b>469.066.740</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.777.629.185	346.842.762	414.768.515	1.709.703.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	609.004.313	-	-	609.004.313
Thuế tài nguyên	35.745.097	720.000	36.115.097	350.000
Các loại thuế phải nộp khác	880.385.279	3.000.000	50.116.388	833.268.891
<b>Cộng</b>	<b>3.302.763.874</b>	<b>350.562.762</b>	<b>501.000.000</b>	<b>3.152.326.636</b>
<b>b. Phải thu</b>				
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.853.837.082</b>	<b>2.384.016.129</b>
Khoản tiền quân trang	7.645.272	7.645.272
Chi phí SX đá thành phẩm (1x2) đội KT đá TP)	83.928.112	83.928.112
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép trích trước (các năm)	1.396.097.013	1.093.826.315
Lãi vay phải trả các đối tượng và CNV	793.096.764	657.605.559
Khoản tiền chi phí BHLĐ công nhân các năm	573.069.921	541.010.871
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.853.837.082</b>	<b>2.384.016.129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng

Tỉnh Hà Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****15. Phải trả nội bộ ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Phải trả nội bộ ngắn hạn</b>	<b>58.416.377.443</b>	<b>52.686.156.650</b>
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	58.416.377.443	52.686.156.650
<b>b. Phải trả nội bộ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>58.416.377.443</b>	<b>52.686.156.650</b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>52.034.269.256</b>	<b>50.361.604.640</b>
Xí nghiệp xây lắp và SX vật liệu chịu lửa	390.909.090	390.909.090
Trần Hữu Phúc - Phòng KH	665.208.994	826.440.810
Khoản tiền cổ tức chưa phân chia cổ đông	711.685.593	711.685.593
Tiền trợ cấp thôi việc 50 lao động nghỉ việc	-	2.114.974.875
Bảo hiểm Hà Nam	208.736.359	6.376.303.711
Ngân hàng Đầu tư & PT Hà Nam	42.826.705.247	31.115.865.550
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	787.738.287	551.052.623
Khoản tiền băng tải cao su bố thép	935.301.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.507.984.686	8.274.372.388
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.034.269.256</b>	<b>50.361.604.640</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

	Cuối năm	Trong năm		Đầu năm
	VND	Tăng (VND)	Giảm (VND)	VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>41.037.561.633</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>207.281.672</b>	<b>38.394.843.305</b>
Ngân hàng Quốc dân NCB	2.850.000.000	2.850.000.000	-	-
Ngân hàng ĐT và PT Hà Nam	35.349.988.125	-	-	35.349.988.125
Vay ngắn hạn khác (vay công nhân viên)	1.811.248.328	-	207.281.672	2.018.530.000
Ngân hàng TM CP Quân đội	1.026.325.180	-	-	1.026.325.180
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>68.758.447.416</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>68.758.447.416</b>
Ngân hàng ĐT và PT Hà Nam - Vay dài hạn	12.168.939.507	-	-	12.168.939.507
Ngân hàng ĐT và PT Hà Nam - Vay trung hạn	56.589.507.909	-	-	56.589.507.909
<b>Cộng</b>	<b>109.796.009.049</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>207.281.672</b>	<b>107.153.290.721</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	13.408.773.482	557.613.600	(20.989.137.479)	(7.022.750.397)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	1.972.333.282	1.972.333.282
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.408.773.482</b>	<b>557.613.600</b>	<b>(22.961.470.761)</b>	<b>(8.995.083.679)</b>
Số dư đầu năm nay	13.408.773.482	557.613.600	(22.961.470.761)	(8.995.083.679)
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	1.585.793.976	1.585.793.976
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.408.773.482</b>	<b>557.613.600</b>	<b>(24.547.264.737)</b>	<b>(10.580.877.655)</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thành An	6.838.473.482	6.838.473.482
Vốn của người lao động và các cổ đông khác	6.570.300.000	6.570.300.000
<b>Cộng</b>	<b>13.408.773.482</b>	<b>13.408.773.482</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	13.408.773.482	13.408.773.482

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****19. Nguồn kinh phí**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(5.000.000)	(5.000.000)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	26.400.000	-
Chi sự nghiệp	1.073.983.875	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(1.052.583.875)</b>	<b>(5.000.000)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	44.110.964.954	24.998.482.934
<b>Cộng</b>	<b>44.110.964.954</b>	<b>24.998.482.934</b>
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Ban dự án 11E - TCty Thành An	1.374.876.581	-
Ban dự án 11S - TCty Thành An	1.455.300.000	-
Công ty Thành An 116 - TCty Thành An	296.793.155	41.400.000
Công ty Thành An 195 - TCty Thành An	1.434.177.368	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An	52.563.623	-
Tổng Cty Thành An - Công ty TNHH ITV	(5.898.549)	1.607.271.000
Xí nghiệp Thành An 115 - TCty Thành An	6.248.929.901	-
<b>Cộng</b>	<b>10.856.742.079</b>	<b>1.648.671.000</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	43.013.259.752	23.961.296.828
<b>Cộng</b>	<b>43.013.259.752</b>	<b>23.961.296.828</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.802.875	810.207
<b>Cộng</b>	<b>4.802.875</b>	<b>810.207</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****04. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	222.547.588	107.278.548
Chi phí tài chính khác	21.015.280	-
<b>Cộng</b>	<b>243.562.868</b>	<b>107.278.548</b>

**05. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.124.746.822	1.105.796.905
Chi phí vật liệu quản lý	63.400.500	52.104.308
Chi phí đồ dùng văn phòng	250.503.500	183.137.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	82.810.512	82.810.513
Thuế, phí và lệ phí	130.000	3.129.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	866.210.368	1.077.462.445
Chi phí bằng tiền khác	332.812.650	297.214.601
<b>Cộng</b>	<b>2.720.614.352</b>	<b>2.801.655.852</b>
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	-	129.465.873
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	690.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	38.374.560	39.274.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	149.688.362
Chi phí bằng tiền khác	2.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>40.374.560</b>	<b>319.118.795</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý hàng hóa, vật tư	-	128.120.000
Thoái thu các khoản BHXH, BHYT	307.727.562	-
Thu từ cho thuê cảng	-	60.000.000
Các khoản khác	8.522.165	45.003.600
<b>Cộng</b>	<b>316.249.727</b>	<b>233.123.600</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**02. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.

**03. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Sự hoạt động liên tục của công ty tùy thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ, hỗ trợ tài chính của chủ đầu tư hay mở rộng thị trường của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục với giả thiết là Công ty tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**04. Thông tin về số thuế phải nộp**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau, vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập biểu

*Hào*  
Điền Thị Hào

Kế toán trưởng

*Vũ Văn Vượng*  
Vũ Văn Vượng

Ngày 05 tháng 03 năm 2016



Đại tá  
NGÔ MẠNH HÙNG

